

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2016/NQ-HĐND18

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm,
phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Sau khi xem xét Tờ trình số 363/TTr-UBND, ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh về việc “Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”; báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Mức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm:

Đơn vị: Đồng/hồ sơ

STT	Tên phí	Mức thu
I	Đăng ký giao dịch bảo đảm	
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm.	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm.	70.000

3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký.	60.000
4	Xoá đăng ký giao dịch bảo đảm.	20.000
II	Cung cấp thông tin	
	Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án).	30.000

2. Miễn phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm đối với hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

3. Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau:

3.1. Cá nhân, hộ gia đình đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

3.2. Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên.

3.3. Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

4. Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau:

4.1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên.

4.2. Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

4.3. Điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

5. Tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí:

Phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị tổ chức thu phí được trích lại theo tỷ lệ như sau:

5.1. Được trích lại 80% (*tám mươi phần trăm*) của tổng số phí thu được để chi phí cho thực hiện công việc dịch vụ, thu phí theo chế độ quy định.

5.2. Đơn vị thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán 20% (*hai mươi phần trăm*) của tổng số phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ và Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2: Giao UBND tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh.

Điều 3: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND17 ngày 29/9/2011 của HĐND tỉnh.

Nghị quyết được HĐND tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang